

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

Bản án số: 186/2024/DS-PT
Ngày 30-8-2024
V/v Tranh chấp hợp đồng chuyển
nhượng quyền sử dụng đất
và hợp đồng vay tài sản

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Minh Vỹ

Các Thẩm phán:

Bà Lý Thị Lệ Thủy

Bà Bùi Thị Thương

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thùy Quyên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Thái Quốc Bảo - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 27 và 30 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 145/2024/TLPT-DS ngày 18 tháng 7 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và hợp đồng vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2024/DS-ST ngày 14 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 218/2024/QĐ-PT ngày 05 tháng 8 năm 2024 và Quyết định thay đổi người tiến hành tố tụng số 163/2024/QĐ-TA ngày 27 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Võ Thanh H, sinh năm 1952.

Bà Huỳnh Thị M, sinh năm 1955.

Cùng địa chỉ: Tổ A, thôn S, xã S, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt).

- Bị đơn: Ông Hoàng Phi H1, sinh năm 1978.

Bà Hoàng Nguyên Trà M1, sinh năm 1986.

Cùng địa chỉ: Tổ F, khu phố M, phường M, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:

Ông Ngô Văn H2, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Khu phố B, phường M, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, theo Giấy ủy quyền ngày 22-8-2024 (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Văn phòng C (tên gọi cũ: Văn phòng C).

Địa chỉ: Đường T, thị trấn N, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Xuân M2 – Trưởng văn phòng (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Ông Võ Thanh H, bà Huỳnh Thị M - Nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Huỳnh Thị M và ông Võ Thanh H trình bày:

Vào tháng 10 năm 2021, con trai ông H, bà M cần vốn để làm ăn nên có nhờ vợ chồng ông H, bà M đứng ra vay tiền hộ. Vì vậy, nên ngày 19-10-2021 ông H, bà M có gặp ông Hoàng Phi H1 và bà Hoàng Nguyên Trà M1 để thỏa thuận vay số tiền 8.000.000.000 đồng, lãi suất 4%/01 tháng kể từ khi nhận tiền, thời hạn vay là 6 tháng kể từ ngày vay (đến ngày 19-4-2022). Tuy nhiên, ông H1 và bà M1 có đưa ra điều kiện là yêu cầu ông H, bà M ký vào hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thì mới đồng ý cho vay tiền. Vì thương con nên vợ chồng ông H, bà M đã tự nguyện đồng ý ký tên vào Hợp đồng chuyển nhượng thửa đất số 522, tờ bản đồ số 29, đất tọa lạc tại xã S, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, đất được Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 928928, ngày 15-01-2008. Hợp đồng được công chứng tại Văn phòng C (nay là Văn phòng C). Sau khi ký kết hợp đồng chuyển nhượng nêu trên thì ông H, bà M đã giao cho ông H1, bà M1 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của diện tích đất nêu trên. Mục đích ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất chỉ nhằm làm tin để vay tiền nên sau khi ký kết hợp đồng nêu trên, ông H1 đã giao đủ cho ông H, bà M số tiền 8.000.000.000 đồng và viết một tờ giấy tay ghi nhận nội dung thỏa thuận là đến ngày 19-4-2022, ông H1, bà M1 sẽ bán lại cho ông H, bà M diện tích đất nêu trên với giá 9.280.000.000 đồng.

Từ khi ông H, bà M nhận tiền đến nay thì ông bà đã trả được 02 tháng tiền lãi với tổng số tiền 640.000.000 đồng. Ông H, bà M chỉ đồng ý trả số tiền lãi đã trả này, ngoài ra không đồng ý trả thêm số tiền lãi nào khác.

Trên thực tế, vì không phải là chuyển nhượng quyền sử dụng đất nên vợ chồng ông H, bà M vẫn quản lý, canh tác, sử dụng diện tích đất nêu trên.

Vì những lý do nêu trên, ông H, bà M yêu cầu Tòa án giải quyết: Tuyên hủy hoặc tuyên vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được công chứng tại Văn phòng C ngày 19-10-2021 vì lý do giả cách để che đậy hợp đồng vay tài sản.

Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn thì ông H, bà M chỉ đồng ý trả số tiền nợ gốc là 8.000.000.000 đồng và khấu trừ số tiền lãi đã trả 640.000.000 đồng vào tiền lãi phát sinh. Ngoài ra, ông H, bà M không đồng ý trả bất kỳ số tiền lãi nào khác.

Ông H, bà M đồng ý với kết quả đo vẽ diện tích đất tranh chấp là mảnh trích đo chính lý địa chính được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C duyệt

ngày 09-6-2023; kết quả xem xét thẩm định tài sản ngày 19-5-2023 và kết quả định giá tài sản 09-11-2023.

Bị đơn ông Hoàng Phi H1 và bà Hoàng Nguyên Trà M1 trình bày:

Ông Hoàng Phi H1 và bà Hoàng Nguyên Trà M1 xác nhận phần trình bày của ông H, bà M về quá trình vay mượn tiền là đúng.

Theo sự thoả thuận của các bên thì ông H, bà M và ông H1, bà M1 có ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 522, tờ bản đồ số 29, xã S, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, đất được Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 928928, ngày 15-01-2008. Hợp đồng được công chứng tại Văn phòng C (nay là Văn phòng C). Sau khi ký hợp đồng chuyển nhượng, ông H, bà M đã giao cho ông H1, bà M1 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản chính.

Mục đích ký kết hợp đồng nêu trên chỉ nhằm làm tin để vay tiền nên sau khi ký kết hợp đồng, ông H1 đã giao đủ cho ông H, bà M số tiền 8.000.000.000 đồng và viết một tờ giấy tay ghi nhận nội dung thỏa thuận là đến ngày 19-4-2022 ông H1, bà M1 sẽ bán lại cho ông H, bà M diện tích đất nêu trên với giá 9.280.000.000 đồng.

Trước đây, do không nhớ rõ nên ông H1, bà M1 có trình bày từ khi vay tiền đến nay ông H, bà M chưa trả được cho ông H1, bà M1 số tiền nào. Tuy nhiên, sau khi về suy nghĩ thì ông H1, bà M1 xác định lại là từ khi vay đến nay ông H, bà M có trả được cho ông H1 số tiền lãi là 640.000.000 đồng.

Từ khi ký kết hợp đồng chuyển nhượng đến nay, vợ chồng ông H, bà M vẫn quản lý, canh tác, sử dụng diện tích đất nêu trên.

Nay ông H1, bà M1 đồng ý tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được công chứng tại Văn phòng C theo số công chứng 3381, quyền số 07/2021 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 19-10-2021 vô hiệu hoặc tuyên bố huỷ hợp đồng.

Ông H1 và bà M1 yêu cầu ông H và bà M có nghĩa vụ trả cho ông H1, bà M1 tổng số tiền tạm tính đến ngày 19-02-2024 là 11.093.000.000 đồng, trong đó bao gồm 8.000.000.000 đồng tiền nợ gốc và 3.093.000.000 đồng tiền lãi. Số tiền lãi này tính theo lãi suất 20%/năm kể từ khi nhận tiền vay, đã khấu trừ số tiền lãi mà ông H, bà M đã trả là 640.000.000 đồng. Ngoài ra, ông H, bà M còn phải trả cho ông H1, bà M1 số tiền lãi phát sinh kể từ ngày 20-02-2024 cho đến khi trả hết nợ, tính theo lãi suất 20%/năm.

Ông H1, bà M1 đồng ý với kết quả đo vẽ diện tích đất tranh chấp là mảnh trích đo chỉnh lý địa chính được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C duyệt ngày 09-6-2023; kết quả xem xét thẩm định tài sản ngày 19-5-2023 và kết quả định giá tài sản 09-11-2023.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Văn phòng C trình bày:

Việc công chứng Hợp đồng chuyển nhượng số 3381, quyền số 01/2021 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 19-10-2021 được thực hiện theo đúng quy định của

pháp luật. Khi tiến hành việc công chứng nêu trên, Văn phòng C đã thông qua cho các bên biết, hiểu nội dung và hậu quả phát sinh từ việc giao kết hợp đồng công chứng. Các bên hoàn toàn tự nguyện giao kết, không có sự lừa dối hay ép buộc nào. Các bên giao kết đã tự đọc lại, đồng ý toàn bộ nội dung và đã ký vào hợp đồng, chữ ký trên hợp đồng đúng là chữ ký của các bên tham gia giao kết, ký trước mặt công chứng viên. Văn phòng C không trình bày ý kiến gì trước yêu cầu tuyên hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vô hiệu của nguyên đơn.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2024/DS-ST ngày 14 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Thanh H và bà Huỳnh Thị M. Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được ký kết giữa ông Võ Thanh H và bà Huỳnh Thị M với ông Hoàng Phi H1 và bà Hoàng Nguyên Trà M1, đối với tài sản chuyển nhượng là thửa đất số 522, tờ bản đồ số 29, đất tọa lạc tại xã S, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, hợp đồng được công chứng tại Văn phòng C theo số công chứng 3381, quyền số 07/2021 TP/CC-SCC/HĐGD vô hiệu.

Ông Hoàng Phi H1 và bà Hoàng Nguyên Trà M1 có nghĩa vụ phải trả lại cho ông Võ Thanh H và bà Huỳnh Thị M bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 928928, do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 15 tháng 01 năm 2008.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Hoàng Phi H1 và bà Hoàng Nguyên Trà M1. Buộc ông Võ Thanh H và bà Huỳnh Thị M có nghĩa vụ trả cho ông Hoàng Phi H1 và bà Hoàng Nguyên Trà M1 số tiền tạm tính đến ngày 19-02-2024 là 11.085.000.000 đồng, trong đó bao gồm 8.000.000.000 đồng tiền nợ gốc và 3.085.000.000 đồng tiền nợ lãi. Ngoài ra ông Võ Thanh H và bà Huỳnh Thị M còn có nghĩa vụ trả cho ông Hoàng Phi H1 và bà Hoàng Nguyên Trà M1 số tiền lãi phát sinh tính trên số tiền nợ gốc kể từ ngày 20-02-2024 cho đến khi trả hết nợ, tính theo lãi suất 20%/năm.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 27 tháng 5 năm 2024, nguyên đơn ông Võ Thanh H và bà Huỳnh Thị M có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng đồng ý cho nguyên đơn trả cho bị đơn tiền gốc 8.000.000.000 đồng và không tính thêm tiền lãi cho nguyên đơn do điều kiện kinh tế khó khăn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn ông Võ Thanh H và bà Huỳnh Thị M giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng chỉ buộc nguyên đơn trả cho bị đơn số tiền nợ gốc là 8.000.000.000 đồng, không buộc nguyên đơn trả thêm tiền lãi cho bị đơn vì hoàn cảnh kinh tế của nguyên đơn hiện rất khó khăn, không có khả năng trả lãi. Mặt khác, nguyên đơn cũng không có tiền để trả nợ gốc cho bị đơn nên đề nghị bị đơn nhận ½ diện tích đất thuộc thửa 522, tờ bản đồ số 29, xã S, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu để cán trừ toàn bộ nợ gốc và lãi cho nguyên đơn.

Bị đơn ông Hoàng Phi H1 và bà Hoàng Nguyên Trà M1 (do ông Ngô Văn H2 đại diện) không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, không đồng ý nhận ½ diện tích đất thuộc thửa 522, tờ bản đồ số 29, xã S, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu để cản trở toàn bộ nợ gốc và lãi cho nguyên đơn, không đồng ý giảm tiền lãi cho nguyên đơn mà đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và không bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ.

- Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn nộp trong thời hạn luật định. Những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, trên cơ sở kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Võ Thanh H và bà Huỳnh Thị M nộp trong thời hạn luật định nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Văn phòng C (Văn phòng C cũ) vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, xử vắng mặt đương sự này.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Võ Thanh H và bà Huỳnh Thị M:

[2.1] Nguyên đơn chỉ kháng cáo đối với phần bản án sơ thẩm tuyên về việc nguyên đơn phải trả số tiền lãi theo mức lãi suất 20%/năm, còn các phần khác của bản án sơ thẩm nguyên đơn đồng ý nên không kháng cáo. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng không kháng cáo bản án sơ thẩm. Xét, phần quyết định của bản án sơ thẩm tuyên vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 19-10-2021 giữa nguyên đơn và bị đơn đối với thửa đất số 522, tờ bản đồ số 29, xã S, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; buộc bị đơn trả lại cho nguyên đơn bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 928928, do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 15-01-2008; buộc ông H, bà M có nghĩa vụ trả cho ông H1, bà M1 số tiền nợ gốc 8.000.000.000 đồng là hoàn toàn có căn cứ, phù hợp với lời khai, sự thừa nhận và chứng cứ các bên đương sự cung cấp, phù hợp quy định của pháp luật nên cần giữ nguyên quyết định này của bản án sơ thẩm.

[2.2] Về số tiền lãi mà nguyên đơn phải trả cho bị đơn:

Lời khai của hai bên đương sự về số tiền vay, thời hạn vay, lãi suất của khoản vay và số tiền lãi mà nguyên đơn đã trả cho bị đơn là hoàn toàn trùng khớp với nhau. Do vậy, đủ cơ sở xác định: Nguyên đơn có vay của bị đơn số tiền 8.000.000.000 đồng, thời hạn vay là 06 tháng tính từ ngày 19-10-2021, lãi suất hai bên thỏa thuận là 4%/tháng, nguyên đơn đã trả cho bị đơn 02 tháng tiền lãi là 640.000.000 đồng thông qua việc khấu trừ vào số tiền gốc mà bị đơn giao cho nguyên đơn ngày 19-10-2021.

Mức lãi suất mà các bên thỏa thuận như trên là 48%/năm, vượt quá mức lãi suất tối đa mà Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định là 20%/năm, nên phần lãi suất vượt quá 20% không có hiệu lực. Vì vậy, bản án sơ thẩm xác định lãi suất mà nguyên đơn phải trả cho bị đơn là 20%/năm là đúng quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Mặt khác, theo đơn phản tố và lời khai tại hồ sơ vụ án và các phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm, bị đơn chỉ yêu cầu nguyên đơn trả lãi suất là 20%/năm, không yêu cầu trả lãi suất quá hạn và lãi chậm trả lãi là có lợi cho nguyên đơn. Tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử đã hòa giải theo hướng bị đơn giảm bớt một phần tiền lãi cho nguyên đơn do nguyên đơn đã lớn tuổi, hoàn cảnh kinh tế khó khăn, nhưng đại diện bị đơn không đồng ý. Vì thế, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ để giảm số tiền lãi mà nguyên đơn phải trả cho bị đơn theo hợp đồng vay tiền nêu trên. Do vậy, cần giữ nguyên phần bản án sơ thẩm về việc tính số tiền lãi mà nguyên đơn phải trả cho bị đơn theo công thức: $8.000.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/năm \times 2 \text{ năm} 4 \text{ tháng} (28 \text{ tháng}) = 3.733.333.333 \text{ đồng}$. Sau khi trừ đi số tiền 640.000.000 đồng tiền lãi nguyên đơn đã trả thì số tiền lãi còn lại nguyên đơn phải trả là 3.093.000.000 (làm tròn). Ngoài ra, nguyên đơn còn phải tiếp tục trả số tiền lãi phát sinh tính trên số tiền nợ gốc 8.000.000.000 đồng từ ngày 20-02-2024 cho đến khi trả hết nợ, với lãi suất 20%/năm.

Kháng cáo của nguyên đơn không phù hợp quy định của pháp luật, không được bị đơn đồng ý nên không có căn cứ để chấp nhận.

[3] Về chi phí tố tụng và án phí sơ thẩm: Cấp sơ thẩm đã giải quyết đúng quy định pháp luật nên giữ nguyên.

[4] Về án phí phúc thẩm: Kháng cáo không được chấp nhận nên ông H, bà M phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, nhưng do nguyên đơn là người cao tuổi nên được miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Võ Thanh H và bà Huỳnh Thị M, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 92, Điều 157, Điều 165, khoản 2 Điều 71, Điều 72, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 296 Bộ luật Tố

tụng dân sự; Điều 122, Điều 124, Điều 131, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 12, Điều 27 và Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Thanh H và bà Huỳnh Thị M: Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được ký kết giữa ông Võ Thanh H, bà Huỳnh Thị M với ông Hoàng Phi H1, bà Hoàng Nguyên Trà M1 đối với thửa đất số 522, tờ bản đồ số 29, xã S, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, được công chứng tại Văn phòng C theo số công chứng 3381, quyền số 07/2021 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 19-10-2021 vô hiệu.

Ông Hoàng Phi H1 và bà Hoàng Nguyên Trà M1 có nghĩa vụ trả lại cho ông Võ Thanh H và bà Huỳnh Thị M bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 928928, do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 15-01-2008.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Hoàng Phi H1 và bà Hoàng Nguyên Trà M1: Buộc ông Võ Thanh H và bà Huỳnh Thị M có nghĩa vụ trả cho ông Hoàng Phi H1 và bà Hoàng Nguyên Trà M1 số tiền tạm tính đến ngày 19-02-2024 là 11.085.000.000 (mười một tỷ, không trăm tám mươi lăm triệu) đồng, trong đó bao gồm 8.000.000.000 (tám tỷ) đồng tiền nợ gốc và 3.085.000.000 (ba tỷ, không trăm tám mươi lăm triệu) đồng tiền lãi (đã khấu trừ 8.000.000 đồng tiền chi phí tố tụng ông H1, bà M1 phải hoàn trả cho ông H, bà M).

Ông Võ Thanh H và bà Huỳnh Thị M phải tiếp tục trả cho ông Hoàng Phi H1 và bà Hoàng Nguyên Trà M1 số tiền lãi phát sinh tính trên số tiền nợ gốc 8.000.000.000 (tám tỷ) đồng từ ngày 20-02-2024 cho đến khi trả hết nợ, theo lãi suất 20%/năm.

3. Về chi phí tố tụng: Ông Hoàng Phi H1 và bà Hoàng Nguyên Trà M1 phải chịu 8.000.000 (tám triệu) đồng tiền chi phí tố tụng và đã được khấu trừ vào số tiền mà ông H, bà M có nghĩa vụ trả cho ông H1, bà M1 (tiền chi phí tố tụng đã khấu trừ xong).

4. Về án phí sơ thẩm: Ông Hoàng Phi H1 và bà Hoàng Nguyên Trà M1 phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 59.546.500 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001878 ngày 29-02-2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Hoàn trả cho ông Hoàng Phi H1 và bà Hoàng Nguyên Trà M1 số tiền tạm ứng án phí 59.246.500 (năm mươi chín triệu, hai trăm bốn mươi sáu ngàn, năm trăm) đồng.

Ông Võ Thanh H và bà Huỳnh Thị M được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về án phí phúc thẩm: Ông Võ Thanh H và bà Huỳnh Thị M được miễn nộp án phí dân sự phúc thẩm.

6. Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (30-8-2024).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh BR-VT;
- Sở Tư pháp tỉnh BR-VT;
- TAND H. C, tỉnh BR-VT;
- VKSND H. C, tỉnh BR-VT;
- Chi cục THADS H. C, tỉnh BR-VT;
- Các đương sự;
- Lưu: Tòa Dân sự, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Minh Vỹ

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh BR-VT;
- TAND H. C, tỉnh BR-VT;
- VKSND H. C, tỉnh BR-VT;
- Chi cục THADS H. C, tỉnh BR-VT;
- Các đương sự;
- Lưu: Tòa Dân sự, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Minh Vỹ